

## BÀI BÁO NGHIÊN CỨU GỐC

# Thực trạng việc làm của sinh viên ngành Bác sĩ Y học dự phòng Trường Đại học Y Hà Nội tốt nghiệp từ năm 2018 đến năm 2020

Đàm Thị Ngọc Anh<sup>1\*</sup>, Nguyễn Thị Thu Hà<sup>1</sup>, Lê Đình Luyện<sup>1</sup>, Trần Thị Thanh Nga<sup>1</sup>, Lê Thị Quỳnh Trang<sup>1</sup>, Lê Minh Đạt<sup>2</sup>, Vũ Tư Thành<sup>1</sup>, Đặng Trà Giang<sup>1</sup>, Hà Tuấn Dũng<sup>1</sup>, Nguyễn Hoàng Thu Giang<sup>1</sup>, Bùi Quang Công<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả thực trạng việc làm của sinh viên ngành Bác sĩ Y học dự phòng tốt nghiệp từ năm 2018 đến năm 2020.

**Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 218 sinh viên đã tốt nghiệp ngành Bác sĩ Y học dự phòng tại trường Đại học Y Hà Nội năm 2018, 2019 và 2020.

**Kết quả:** Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm năm 2018 là 82,9%; năm 2019 là 80,0%; năm 2020 là 75,4%. Có 91,8% tìm được việc dưới 6 tháng sau tốt nghiệp, 56,1% làm việc đúng ngành đào tạo, 32,7% làm việc liên quan đến ngành đào tạo. Tỷ lệ tự xin việc chiếm 71,3%. Tỷ lệ làm việc ở khu vực nhà nước là 52,0%. Mức lương khởi điểm dưới 5 triệu đồng/tháng chiếm 69,3%; mức lương thu nhập bình quân hàng tháng dưới 5 triệu đồng/tháng chiếm 50,5%.

**Kết luận:** Trong 3 năm, tỷ lệ sinh viên có việc làm (78,4%); Phần lớn sinh viên có việc làm dưới 6 tháng sau khi tốt nghiệp (91,8%); tự xin việc làm (71,3%) và làm đúng ngành đào tạo (56,1%). Mức lương khởi điểm và thu nhập bình quân hàng tháng trên 5 triệu của sinh viên tăng lên qua 3 năm.

**Từ khóa:** Việc làm, Bác sĩ Y học dự phòng, Trường Đại học Y Hà Nội.

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Với phương châm “phòng bệnh hơn chữa bệnh”, ngành y tế luôn coi công tác y tế dự phòng (YTDP) là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân (1). Việc đầu tư cho YTDP đã mang lại hiệu quả thiết thực, thể hiện trong việc Việt Nam đã chính thức thanh toán được bệnh bại liệt, uốn ván sơ sinh, tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đầy đủ của trẻ dưới 1 tuổi luôn đạt trên 90% hàng năm (2). Đặc biệt, Việt Nam cũng được công nhận là một trong những quốc gia phòng chống dịch

COVID – 19 tốt nhất (3). Bên cạnh những mặt tích cực, cũng không thể không nhắc đến những hạn chế của ngành. Mặc dù Nhà nước và Bộ Y tế đã có những nỗ lực rất cao trong đầu tư nhân lực và trang thiết bị cho các cơ sở YTDP trên cả nước, nhưng do yêu cầu tăng lên không ngừng, có tính bùng nổ về số lượng và chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người dân trước những nguy cơ của bệnh dịch, biến đổi khí hậu, môi trường xã hội... đã dẫn đến nhiều khó khăn, thách thức đối với ngành y tế nói chung, YTDP nói riêng. Hầu hết bác sĩ của hệ YTDP đều từ hệ điều trị chuyển sang, thiếu những người được đào tạo



**Địa chỉ liên hệ:** Đàm Thị Ngọc Anh

Email: [Damngocanh@hmu.edu.vn](mailto:Damngocanh@hmu.edu.vn)

<sup>1</sup> Trường Đại học Y Hà Nội

<sup>2</sup> Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Ngày nhận bài: 11/7/2022

Ngày phản biện: 31/8/2022

Ngày đăng bài: 30/10/2022

Mã DOI: <https://doi.org/10.38148/JHDS.0605SKPT22-048>

chính quy, đúng chuyên ngành về YTDP (4). Theo số liệu thống kê từ Cục y tế Dự phòng, tổng số cán bộ Y tế dự phòng từ Trung ương đến tuyến huyện khoảng 17.100 người, chiếm 42% so với nhu cầu nhân lực cần có. Trong đó tuyến Trung ương có khoảng 2400 người, đáp ứng gần 76% nhu cầu. Số nhân lực thiếu hụt là khoảng 23.800 người, trong đó bác sĩ thiếu 8.075 người, cử nhân y tế công cộng thiếu 3.993 người. Nhu cầu nhân lực cần tăng thêm tại tuyến Trung ương là 1.018 người (4,3%), tuyến tỉnh 5.340 người (22,4%) và tuyến huyện là 17.508 người (73,5%) (5).

Hiện cả nước đang có 10 trường đào tạo ngành bác sĩ y học dự phòng và Trường Đại học Y Hà Nội là một trong các cơ sở đào tạo lớn nhất. Trường bắt đầu mở mã ngành đào tạo bác sĩ Y học dự phòng từ năm 2006, từ đó đến nay đã có một số lượng lớn sinh viên tốt nghiệp. Tuy nhiên, trước những khó khăn và thách thức mà ngành Y học dự phòng gặp phải, số lượng sinh viên đã và đang làm công tác dự phòng vẫn đang là một câu hỏi cần đặt ra: Số lượng sinh viên tốt nghiệp ngành bác sĩ y học dự phòng sau khi ra trường làm đúng ngành nghề là bao nhiêu phần trăm? Thực trạng việc làm sau khi ra trường của sinh viên ngành y học dự phòng như thế nào? Nhằm tìm hiểu thực trạng việc làm, cung cấp thông tin là cơ sở để đánh giá được một phần khả năng cung ứng nguồn nhân lực cho hệ thống y học dự phòng, đồng thời xây dựng kế hoạch đào tạo cho những năm tiếp theo, nghiên cứu của chúng tôi được tiến hành nhằm mục tiêu mô tả thực trạng việc làm của sinh viên ngành bác sĩ Y học dự phòng tốt nghiệp từ năm 2018 đến năm 2020 tại trường Đại học Y Hà Nội.

## **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

**Địa điểm và thời gian nghiên cứu:** Nghiên cứu được tiến hành tại Trường Đại học Y Hà

Nội từ 12/2021 đến 06/2022. (Thời gian thu thập số liệu từ 01/2022- 04/2022).

**Đối tượng nghiên cứu:** Sinh viên đã tốt nghiệp ngành Bác sĩ Y học dự phòng tại trường Đại học Y Hà Nội từ năm 2018 đến năm 2020.

## **Cỡ mẫu và chọn mẫu**

Nghiên cứu thực hiện trên toàn bộ sinh viên đã tốt nghiệp ngành Bác sĩ Y học dự phòng tại trường Đại học Y Hà Nội năm 2018, 2019 và 2020. Tổng số đối tượng tham gia là 218 sinh viên.

## **Biến số và các chỉ số nghiên cứu**

Nhóm biến số thông tin chung của đối tượng (năm tốt nghiệp, giới tính, xếp loại tốt nghiệp).

Nhóm biến số về thực trạng việc làm sau tốt nghiệp: tình hình có việc làm, thời gian, hoàn cảnh có việc làm sau tốt nghiệp, cơ quan đang làm việc thuộc khu vực, công việc đang làm có phù hợp với chuyên ngành đào tạo, mức lương khởi điểm cho công việc đầu tiên từ khi ra trường, thu nhập bình quân hàng tháng.

## **Công cụ và kỹ thuật thu thập số liệu**

Số liệu được thu nhập trực tiếp qua bộ câu hỏi online bằng Google Form. Bộ câu hỏi sẽ gồm 2 phần chính là thông tin chung của đối tượng và thực trạng việc làm sau tốt nghiệp. Phần thông tin chung gồm những câu hỏi về năm tốt nghiệp, giới tính, xếp loại tốt nghiệp. Phần thực trạng việc làm sau tốt nghiệp gồm những câu hỏi liên quan đến tình hình có việc làm, thời gian, hoàn cảnh có việc làm sau tốt nghiệp, cơ quan đang làm việc thuộc khu vực nào, công việc đang làm có phù hợp với chuyên ngành được đào tạo, mức lương khởi điểm cho công việc đầu tiên từ khi ra trường và thu nhập bình quân hàng tháng. Người thực hiện là thành viên nhóm nghiên cứu dưới sự hỗ trợ của cán bộ lớp và giáo vụ khối Bác sĩ Y học dự phòng Trường Đại học Y Hà Nội.

Phương pháp thu thập thông tin: nhóm nghiên cứu liên hệ với lớp trưởng các lớp YHDP đã tốt nghiệp, sau khi giải thích và được chấp thuận, nghiên cứu viên gửi link bộ câu hỏi tự điền cho tất cả các đối tượng nghiên cứu hướng dẫn đối tượng cách trả lời, kiểm tra và nhắc nhở đối tượng hoàn thành đầy đủ. Tổng số đã thu thập được 218/227 sinh viên YHDP tốt nghiệp từ năm 2018 đến 2020 (chiếm 96%).

### Phân tích và xử lý số liệu

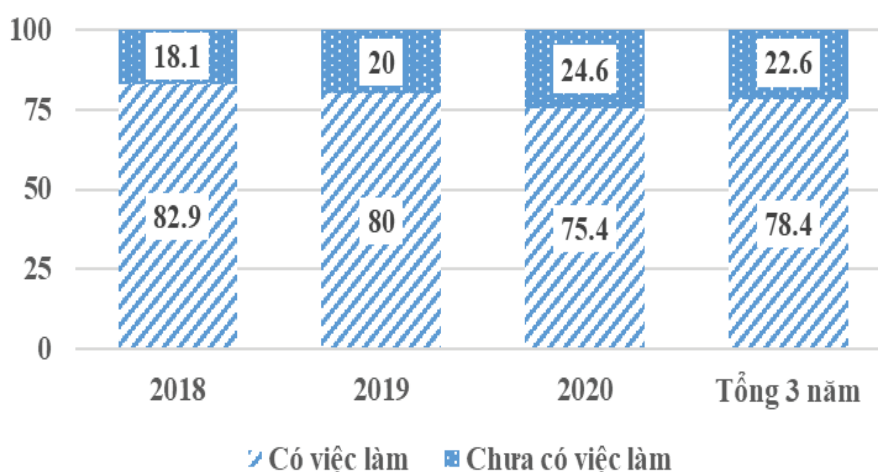
Số liệu được quản lý bằng Excel và xử lý số liệu bằng Stata 15. Các biến định lượng được kiểm tra phân phối chuẩn. Nếu biến phân bố chuẩn thì được biểu diễn dưới dạng trung bình  $\pm$  SD. Nếu biến không phân bố chuẩn thì biểu diễn dưới dạng trung vị (khoảng tứ phân vị). Các biến định tính được biểu diễn bằng tần số và tỷ lệ %.

**Đạo đức nghiên cứu:** Nghiên cứu được thực hiện theo quyết định số 616/QĐ-ĐHYHN về

việc phê duyệt Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở của Viện đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội. Các thông tin cá nhân của người tham gia nghiên cứu được đảm bảo giữ bí mật, các số liệu, thông tin thu thập được chỉ nhằm mục đích nghiên cứu, không phục vụ cho mục đích nào khác.

### KẾT QUẢ

Tổng số đối tượng tham gia nghiên cứu là 218 sinh viên. Tỷ lệ đối tượng nữ tham gia nghiên cứu nhiều hơn nam ở cả 3 năm, lần lượt từ 2018 đến 2020 đối với nữ là 68,3%; 72,5%; 79,4% và đối với nam là 31,7%; 27,5% và 20,6%. Tỷ lệ đối tượng tốt nghiệp xếp loại khá nhiều nhất ở cả 3 năm, cụ thể 2018 là 63,4%; 2019 là 70% và 2020 là 54,6%. Trong 3 năm, có 61,9% đối tượng tốt nghiệp loại khá, theo sau là trung bình khá chiếm 35,8% và thấp nhất là giỏi với 2,3%.



**Biểu đồ 1. Tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp từ năm 2018 đến năm 2020**

Tỷ lệ có việc làm cao hơn chưa có việc làm ở cả 3 năm. Trong đó, tỷ lệ có việc làm cao nhất ở sinh viên tốt nghiệp năm 2018 chiếm

82,9%. Sau đó đến 2019 là 80% và 2020 là 75,4%. Tỷ lệ sinh viên có việc làm trong cả 3 năm là 78,4%.

**Bảng 1. Thời gian có việc làm và mức độ phù hợp của chuyên ngành được đào tạo**

|                                                                            | 2018               |              | 2019               |              | 2020              |              | Tổng                |              |
|----------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------|--------------------|--------------|-------------------|--------------|---------------------|--------------|
|                                                                            | Tần số<br>(n = 34) | Tỷ lệ<br>(%) | Tần số<br>(n = 64) | Tỷ lệ<br>(%) | Tần số<br>(n= 73) | Tỷ lệ<br>(%) | Tần số<br>(n = 171) | Tỷ lệ<br>(%) |
| <b>Thời gian có việc làm sau tốt nghiệp</b>                                |                    |              |                    |              |                   |              |                     |              |
| Dưới 6 tháng                                                               | 32                 | <b>94,1</b>  | 56                 | <b>87,5</b>  | 69                | <b>94,5</b>  | 157                 | <b>91,8</b>  |
| Trên 6 tháng                                                               | 2                  | <b>5,9</b>   | 8                  | <b>12,5</b>  | 4                 | <b>5,5</b>   | 14                  | <b>8,2</b>   |
| <b>Mức độ phù hợp của chuyên ngành được đào tạo với công việc đang làm</b> |                    |              |                    |              |                   |              |                     |              |
| Đúng ngành đào tạo                                                         | 20                 | <b>58,8</b>  | 31                 | <b>48,4</b>  | 45                | <b>61,6</b>  | 96                  | <b>56,1</b>  |
| Liên quan đến ngành đào tạo                                                | 9                  | <b>26,5</b>  | 25                 | <b>39</b>    | 22                | <b>30,1</b>  | 56                  | <b>32,7</b>  |
| Không liên quan đến ngành đào tạo                                          | 5                  | <b>14,7</b>  | 8                  | <b>12,6</b>  | 6                 | <b>8,3</b>   | 19                  | <b>11,2</b>  |

Sinh viên có việc làm dưới 6 tháng sau khi tốt nghiệp chiếm từ 87,5% đến 94,5%. Trong đó, tỷ lệ sinh viên làm đúng ngành đào tạo chiếm tỷ lệ cao nhất ở cả 3 năm, tiếp đến là làm công

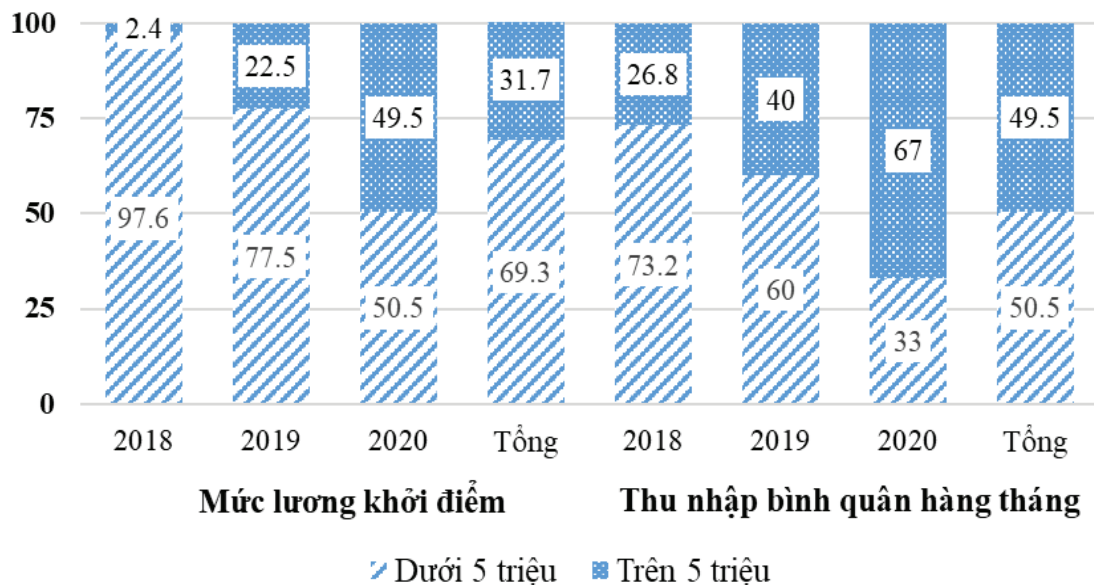
việc liên quan đến ngành đào tạo. Thấp nhất là làm công việc không liên quan đến ngành đào tạo, chiếm 11,2% trong cả 3 năm.

**Bảng 2. Hoàn cảnh xin việc và khu vực làm việc của sinh viên tốt nghiệp từ năm 2018 đến năm 2020**

|                                | 2018               |              | 2019               |              | 2020              |              | Tổng                |              |
|--------------------------------|--------------------|--------------|--------------------|--------------|-------------------|--------------|---------------------|--------------|
|                                | Tần số<br>(n = 34) | Tỷ lệ<br>(%) | Tần số<br>(n = 64) | Tỷ lệ<br>(%) | Tần số<br>(n= 73) | Tỷ lệ<br>(%) | Tần số<br>(n = 171) | Tỷ lệ<br>(%) |
| <b>Hoàn cảnh xin việc</b>      |                    |              |                    |              |                   |              |                     |              |
| Tự xin việc                    | 32                 | <b>94,1</b>  | 37                 | <b>57,8</b>  | 53                | <b>72,6</b>  | 122                 | <b>71,3</b>  |
| Người khác giới thiệu, giúp đỡ | 2                  | <b>5,9</b>   | 27                 | <b>43,2</b>  | 20                | <b>28,4</b>  | 49                  | <b>28,7</b>  |
| <b>Khu vực làm việc</b>        |                    |              |                    |              |                   |              |                     |              |
| Nhà nước                       | 23                 | <b>67,6</b>  | 32                 | <b>50</b>    | 34                | <b>46,6</b>  | 89                  | <b>52</b>    |
| Tư nhân                        | 11                 | <b>32,4</b>  | 32                 | <b>50</b>    | 39                | <b>53,4</b>  | 82                  | <b>48</b>    |

Tỷ lệ sinh viên tự xin việc cao hơn được người khác giới thiệu, giúp đỡ ở tất cả các năm. Đặc biệt, trong năm 2018, có 94,1% sinh viên tự xin việc. Tỷ lệ sinh viên làm việc ở khu vực

nhà nước giảm dần qua các năm, khu vực tư nhân tăng từ 32,4% vào năm 2018 lên 53,4% vào năm 2020.



**Biểu đồ 2. Mức lương khởi điểm và thu nhập bình quân hàng tháng của sinh viên tốt nghiệp từ năm 2018 đến năm 2020**

Tỷ lệ sinh viên có mức lương khởi điểm và thu nhập bình quân hàng tháng trên 5 triệu/tháng tăng nhiều qua từng năm. Năm 2018, chỉ có 2,4% sinh viên có mức lương khởi điểm trên 5 triệu, tỷ lệ này tăng lên 49,5% vào năm 2020. Thu nhập bình quân hàng tháng trên 5 triệu chiếm 26,8% năm 2018 và tăng lên 67% vào năm 2020.

## BÀN LUẬN

Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ sinh viên ngành Y học dự phòng có việc làm sau tốt nghiệp chiếm 78,4% trong cả 3 năm 2018 đến 2020. Tỷ lệ này thấp hơn nhiều so với khảo sát của trường Đại học Y Dược Huế trên sinh viên tốt nghiệp năm 2017 cho thấy 93,2% đối tượng này có việc làm (6). Và cũng thấp hơn so với khảo sát của trường Đại học Y Hải Phòng cũng trên sinh viên tốt nghiệp năm 2017 với 100% (7). Tuy nhiên, kết quả này tương tự nghiên cứu của Christine M Plepys và cộng sự thực hiện ở 2 trường Y tế công cộng tại Mỹ trên sinh viên tốt nghiệp từ năm 2015 - 2018 với 73% (8). Nguyên nhân sự chênh lệch này là do tỷ lệ tiếp tục học nâng cao của sinh viên ngành

Y học dự phòng trường Đại học Y Hà Nội cao hơn 2 trường Y còn lại. Bên cạnh đó, sinh viên Đại học Y Hà Nội có xu hướng muốn tìm việc làm ở thủ đô, là nơi có sự cạnh tranh cao dẫn đến tỷ lệ có việc làm thấp hơn. Tỷ lệ làm đúng ngành đào tạo trong nghiên cứu là 56,1 %, cao hơn vượt trội so với khảo sát của trường Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh trên sinh viên tốt nghiệp năm 2020 là 19,7% (9). Điều này có thể giải thích do mỗi địa phương khác nhau có xu hướng nghề nghiệp khác nhau. Sinh viên tại Hà Nội có xu hướng tìm việc làm đúng ngành hơn là những việc liên quan hoặc không đúng chuyên ngành được đào tạo.

Về khu vực làm việc, kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp làm việc ở khu vực nhà nước trong cả 3 năm chiếm 52% và có xu hướng giảm dần qua các năm, tỷ lệ làm việc ở khu vực tư nhân tăng dần. Nghiên cứu tại 2 trường Y tế Công cộng ở Mỹ cũng cho thấy sự chuyển dịch tương tự (8). Nguyên nhân là do chính sách đãi ngộ đối với nhân lực hoạt động trong lĩnh vực YHDP của khu vực nhà nước chưa đủ sức hút (10). Trong khi đó, khu vực tư nhân có những đãi ngộ tốt hơn. Hệ quả là sự thiếu hụt nhân lực ngành y tế dự phòng làm việc

trong khu vực nhà nước. Tính đến tháng 4/2021 tổng số cán bộ y tế dự phòng từ trung ương đến tuyến huyện chỉ chiếm 42% so với nhu cầu nhân lực cần có (11). Đứng trước thực trạng này, cần có thêm nhiều những chính sách phù hợp để thu hút và giữ chân nguồn nhân lực y tế dự phòng bởi đây chính là nguồn lực nòng cốt trong dự phòng, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Trong nghiên cứu này, mức lương khởi điểm dưới 5 triệu đồng/tháng chiếm 69,3%, tỷ lệ này cũng giảm dần qua các năm, tỷ lệ đối tượng có mức lương khởi điểm trên 5 triệu đồng/tháng tăng dần. Điều này phù hợp với xu hướng thay đổi khu vực việc làm từ nhà nước sang tư nhân nên mức lương khởi điểm đã tăng lên. Tỷ lệ thu nhập bình quân hàng tháng trên 5 triệu đồng/tháng là 49,5% và cũng tăng dần từ 26,8% vào năm 2018 lên 67% vào năm 2020. Theo tính toán của Tổng cục Thống kê, chuẩn mức sống tối thiểu của 1 người 1 tháng ở các khu vực thành thị tính đến tháng 01/2021 là khoảng 2,7 triệu đồng. Trong khi đó, chuẩn mức sống trung bình là 03 triệu đồng/người/tháng ở khu vực thành thị (12). Điều này cho thấy thu nhập bình quân hàng tháng của sinh viên tốt nghiệp ngành Y học dự phòng Trường Đại học Y Hà Nội đang dần đáp ứng với mức sống ở các khu vực thành thị.

Về hạn chế của nghiên cứu, việc thu thập số liệu online qua Google Form có thể tạo ra tỷ lệ phản hồi không ổn định và số liệu thu thập được thường không đáng tin cậy vì không kiểm soát được nhóm người trả lời. Đôi khi những đối tượng tham gia trả lời bộ câu hỏi có thể cảm thấy không thoải mái khi phải cung cấp những thông tin mang tính cá nhân. Câu trả lời của đối tượng có thể thiếu chính xác vì họ không nhớ rõ hoặc đơn giản là cảm thấy nhàm chán với bộ câu hỏi khảo sát.

## KẾT LUẬN

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong 3 năm là 78,4% trong đó, năm 2018 là 82,9%; năm 2019 là 80%; năm 2020 là 75,4%. Có 91,8% tìm được việc dưới 6 tháng sau tốt

nghiệp, 56,1% làm việc đúng ngành đào tạo, 32,7% làm việc liên quan đến ngành đào tạo. Tỷ lệ tự xin việc chiếm 71,3%. Tỷ lệ làm việc ở khu vực nhà nước là 52%. Mức lương khởi điểm dưới 5 triệu đồng/tháng chiếm 69,3%; mức lương thu nhập bình quân hàng tháng dưới 5 triệu đồng/tháng chiếm 50,5%.

**Khuyến nghị:** Nhà nước và Bộ Y tế cần có các giải pháp tăng cường nguồn nhân lực cho hệ thống Y tế dự phòng, trong đó, đào tạo là giải pháp tối ưu. Cần cải thiện những chế độ, chính sách đối với cán bộ Y tế dự phòng như: tăng cường các chính sách thu hút các nguồn nhân lực, tăng cường các chính sách khuyến khích đầu tư và sự tham gia của các thành phần kinh tế, tăng cường các chính sách đãi ngộ đối với cán bộ làm công tác Y tế dự phòng, tăng cường các chính sách thu hút cán bộ Y tế dự phòng làm việc ở vùng sâu, vùng xa, tăng cường thêm các chính sách ưu tiên đào tạo cán bộ Y tế dự phòng và tăng cường tuyển dụng, duy trì nguồn nhân lực và khuyến khích các sinh viên y khoa theo học Y tế dự phòng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung Ương Đảng. Nghị quyết 20/NQ-TW 2017 tăng cường công tác bảo vệ chăm sóc nâng cao sức khỏe nhân dân. 2017.
2. Dự án Chương trình tiêm chủng mở rộng Quốc gia. Báo cáo hội nghị Tổng kết 25 năm Tiêm chủng mở rộng ở Việt Nam. Chương trình Tiêm chủng mở rộng. 2012.
3. Hiền Minh. Việt Nam được ghi nhận là một trong những quốc gia chống dịch tốt nhất [Internet]. Báo Chính phủ Việt Nam. 2022 [cited 2022 Jun 29]. Available from: <https://baochinhphu.vn/viet-nam-duoc-ghi-nhan-la-mot-trong-nhung-quoc-gia-chong-dich-tot-nhat-102220127170702473.htm>
4. Lâm Đình Tuấn Hải. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế dự phòng | Tạp chí Quản lý nhà nước [Internet]. 2020 [cited 2022 Jul 1]. Available from: <https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/11/17/nang-cao-chat-luong-nguon-nhan-luc-y-te-du-phong/>
5. Cơ quan tổ chức hội thảo. Báo cáo hội thảo “Đào tạo và sử dụng nhân lực y tế dự phòng.” 2021.
6. Trường đại học Y Dược Huế 2017. Báo cáo

- tình hình việc làm sinh viên Y Dược Huế 2017 [Internet]. [cited 2022 Jul 1]. Available from: [https://huemed-univ.edu.vn/uploads/ck\\_upload/C%C3%B4ng%20t%C3%A1c%20sinh%20vi%C3%AAn/bao-cao-khao-sat-viec-lam-nam-2017.pdf](https://huemed-univ.edu.vn/uploads/ck_upload/C%C3%B4ng%20t%C3%A1c%20sinh%20vi%C3%AAn/bao-cao-khao-sat-viec-lam-nam-2017.pdf)
7. Trường Đại học Y dược Hải Phòng. Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2017 - Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng [Internet]. 2017 [cited 2022 Jul 1]. Available from: <http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Cuu-sinh-vien/Bao-cao-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep-nam-2017-2194/>
  8. Plepys CM, Krasna H, Leider JP, Burke EM, Blakely CH, Magaña L. First-Destination Outcomes for 2015-2018 Public Health Graduates: Focus on Employment. *Am J Public Health*. 2021 Mar;111(3):475–84.
  9. Trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh. Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2020 [Internet]. Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh. 2020 [cited 2022 Jul 1]. Available from: <https://ump.edu.vn/gioi-thieu/dam-bao-chat-luong?fbclid=IwAR0mXFXCLIVlFP72FB1l80fchQpVRr4-Wilo527QG5eQp5vE4SKsLLyo9CM>
  10. Nguyễn Thanh Long, Vũ Sinh Nam. Nhân lực y tế dự phòng: thực trạng, thách thức và giải pháp [Internet]. 2014 [cited 2022 Jun 29]. Available from: <http://www.tapchihocduphong.vn/tin-tuc/dien-dan-y-hoc-du-phong/nhan-luc-y-te-du-phong-thuc-trang-thach-thuc-va-giai-phap-o81E2104B.html>
  11. Bộ Y tế. Báo cáo hội thảo về nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực y học dự phòng theo hướng hội nhập quốc tế [Internet]. Báo Sức khỏe và Đời sống. 2021 [cited 2022 Jun 29]. Available from: <https://suckhoedoisong.vn/nang-cao-chat-luong-dao-tao-nhan-luc-y-hoc-du-phong-theo-huong-hoi-nhap-quoc-te-169190113.htm>
  12. Hồ Xuân Khanh. Chuẩn mức sống tối thiểu và chuẩn mức sống trung bình của Việt Nam giai đoạn 2021-2025 [Internet]. 2020 [cited 2022 Aug 30]. Available from: <http://giamngheo.sldtbxh.quangnam.gov.vn/Default.aspx?tabid=294&NewsViews=3099>

## **Employment status of graduate students of preventive medicine doctors in Hanoi Medical University from 2018 to 2020.**

***Dam Thi Ngoc Anh<sup>1</sup>, Nguyen Thi Thu Ha<sup>1</sup>, Le Dinh Luyen<sup>1</sup>, Tran Thi Thanh Nga<sup>1</sup>, Le Thi Quynh Trang<sup>1</sup>, Le Minh Dat<sup>2</sup>, Vu Tu Thanh<sup>1</sup>, Dang Tra Giang<sup>1</sup>, Ha Tuan Dung<sup>1</sup>, Nguyen Hoang Thu Giang<sup>1</sup>, Bui Quang Cong<sup>1</sup>***

*<sup>1</sup> Hanoi Medical University*

*<sup>2</sup> Hanoi Medical University Hospital*

**Objective:** The study aims to describe the employment status of graduate students majoring in Preventive Medicine from 2018 to 2020. **Methods:** A cross-sectional descriptive study on 218 students who graduated from the Doctor of Preventive Medicine at Hanoi Medical University in 2018, 2019 and 2020. **Results:** The percentage of graduated students having jobs in 2018, 2019, and 2020 was 82.9%, 80%, and 75.4% respectively. After graduating, there were 91.8% of graduated students who found a job less than 6 months, 56.1% of those worked in the right field of training, and 32.7% of those worked in the training industry. The self-employed rate accounted for 71.3%. The employment rate in the public sector was 52%. The percentage of graduated students who received starting salary (less than 5 million VND/month) accounted for 69.3%; 50.5% of graduated students received an average of less than 5 million VND per month. **Conclusions:** In 3 years, the proportion of students who had jobs (78.4%); The majority of students had jobs less than 6 months after graduating (91.8%); were self-employed (71.3%), and did the right field of training (56.1%). Starting salary and average monthly income of over 5 million students increased over 3 years.

**Keywords:** *Employment, Doctor of Preventive Medicine, Hanoi Medical University.*